

Số: 958/2024/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công ty chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý IV năm 2024 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			
2	ACB			
3	ACG			
4	ACL			
5	AGG			
6	AGR			
7	ANV			
8	APG			
9	ASM			
10	AST			
11	BAF			
12	BCG			
13	BCM			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
14	BFC			
15	BIC			
16	BID			
17	BMC			
18	BMI			
19	BMP			
20	BSI			
21	BTP			
22	BVH			
23	BWE			
24	CCL			
25	CII			
26	CLC			
27	CMG			
28	CNG			
29	CSM			
30	CSV			
31	CTD			
32	CTG			
33	CTI			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
34	CTR			
35	CTS			
36	CVT			
37	DBC			
38	DBD			
39	DCL			
40	DCM			
41	DGC			
42	DGW			
43	DHA			
44	DHC			
45	DHG			
46	DIG			
47	DMC			
48	DPG			
49	DPM			
50	DPR			
51	DRC			
52	DVP			
53	DXG			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	EIB			
55	ELC			
56	EVF			
57	FMC			
58	FPT			
59	FTS			
60	GAS			
61	GDT			
62	GEG			
63	GEX			
64	GIL			
65	GMD			
66	GVR			
67	HAH			
68	HAX			
69	HCM			
70	HDB			
71	HDC			
72	HDG			
73	HHS			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
74	HHV			
75	HII			
76	HPG			
77	HSG			
78	HT1			
79	HTI			
80	HTN			
81	HVH			
82	IDI			
83	IJC			
84	ILB			
85	IMP			
86	ITC			
87	KBC			
88	KDC			
89	KDH			
90	KHG			
91	KSB			
92	LCG			
93	LHG			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
94	LIX			
95	LPB			
96	LSS			
97	MBB			
98	MIG			
99	MSB			
100	MSH			
101	MSN			
102	MWG			
103	NAF			
104	NBB			
105	NCT			
106	NHA			
107	NKG			
108	NLG			
109	NNC			
110	NSC			
111	NTL			
112	OCB			
113	ORS			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
114	PAC			
115	PAN			
116	PC1			
117	PDR			
118	PET			
119	PGC			
120	PGD			
121	PHC			
122	PHR			
123	PLP			
124	PLX			
125	PNJ			
126	POW			
127	PPC			
128	PVD			
129	PVT			
130	REE			
131	SAB			
132	SAM			
133	SBT			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
134	SCR			
135	SCS			
136	SFG			
137	SFI			
138	SGN			
139	SHB			
140	SHI			
141	SJS			
142	SKG			
143	SRC			
144	SSB			
145	SSI			
146	STB			
147	SVC			
148	SZC			
149	SZL			
150	TCB			
151	TCD			
152	TCH			
153	TCL			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
154	TCM			
155	TDM			
156	TDP			
157	THG			
158	TIP			
159	TLG			
160	TMS			
161	TNH			
162	TPB			
163	TRA			
164	TRC			
165	TTA			
166	TV2			
167	TYA			
168	VCB			
169	VCG			
170	VCI			
171	VDS			
172	VGC			
173	VHC			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	VHM			
175	VIB			
176	VIC			
177	VIP			
178	VIX			
179	VJC			
180	VNM			
181	VPB			
182	VPG			
183	VPI			
184	VRE			
185	VSC			
186	VSH			
187	VTO			

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:
<https://www.vndirect.com.vn/category/tin-tuc-vndirect/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Người lập



Nguyễn Thị Liên

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng Giám đốc



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N: 0102065868' at the top and 'Q. HAI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI' at the bottom. The inner circle contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT' in the center. A blue handwritten signature is written over the stamp.

Nguyễn Vũ Long



A red circular stamp, partially visible, with the text 'C.T.C.P. ICM' and a star symbol.